|  |
| --- |
| Rủi ro cho đơn vị thực hiện |
| **Thách thức** | | **Rủi ro** | **Tình trạng hiện tại** | **Xu thế** |
| Vấn đề an toàn, vệ sinh công cộng | | Nước không hợp vệ sinh cho người dân sử dụng giếng dân sinh | Người dân địa phương đang sử dụng giếng dân sinh tự khoan không đảm bảo chất lượng | Càng nhiều người có xu thế sử dụng giếng dân sinh |
| Tiêu thụ nước quá mức trong khu vực | | Sụt giảm mực nước và nhiễm chéo cùng tầng nước | Chính quyền địa phương đã biết và đang tìm cách đóng giếng | Cộng đồng càng sử dụng nhiều hơn trong sinh hoạt |
| Tổn thương của nguồn nước ngầm do ô nhiễm nước mặt | | nhiễm chéo cùng tầng nước | Các kênh rạch bị ách tắt và gây ô nhiễm |  |
| Không kiểm soát được các giếng dân sinh | | nhiễm chéo cùng tầng nước | Nhiều người tự khoan tự sử dụng; có giếng hư không tiếp tục sử dụng | Không để các giếng không sử dụng |
| Ô nhiễm trãi rộng trên các kênh rạch | | Ô nhiễm đến các nguồn nước dưới đất đang được sử dụng | Các kênh rạch bị ách tắt và gây ô nhiễm | Số kênh rạch ô nhiễm tăng và ảnh hưởng nhiều hơn |
| Mực nước ngầm sụt giảm do hút nước quá nhiều mà nhiều người không biết hoặc quan tâm | | ảnh hưởng việc tái tạo nước ngầm | Mực nước đọng đang giảm hàng năm | Càng nhiều người sử dụng nước ngầm càng làm cho nguồn nước suy giảm nhanh đặc biệt vào mùa khô |
| Nhiễm mặn | | Nhiễm mặn ảnh hưởng cả nước mặt và nước ngầm |  |  |
| Sử dụng thuốc trừ sâu | | Ô nhiễm đến các nguồn nước dưới đất đang được sử dụng | Chính quyền địa phương đang tuyên truyền về hậu quả sử dụng thuốc và định hướng thay đổi | Đang trên đường xây dựng nhận thức có hiệu quả trong tương lai |